

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Lâm nghiệp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2022

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm vùng IV.

Thực hiện Văn bản số 217/KLV4-NV2 ngày 10/11/2021 của Chi cục Kiểm lâm vùng IV về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác Lâm nghiệp năm 2021. Chi cục Kiểm lâm Bình Định báo cáo kết quả thực hiện công tác Lâm nghiệp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2022 (theo mẫu đề cương kèm theo Văn bản 217/KLV4-NV2 của Chi cục Kiểm lâm vùng VI), cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

a) Công tác bảo vệ, phát triển rừng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc chỉ đạo quyết liệt công tác bảo vệ rừng, xử lý nghiêm các hành vi về phá rừng, gây cháy rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

b) Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR tiếp tục được củng cố, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR.

c) Nhiều diện tích rừng có chất lượng cao được hình thành, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất lâm nghiệp. Công tác khoán bảo vệ rừng được thực hiện tốt, đời sống kinh tế của các hộ nhận khoán đã được cải thiện, giúp họ ổn định cuộc sống, hạn chế đáng kể tình trạng xâm hại đến tài nguyên rừng.

d) Lực lượng kiểm lâm thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phân công xuống tận cơ sở, chủ động bám sát, kịp thời phát hiện và tham mưu giúp chính quyền địa phương xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

2. Khó khăn

a) Năm 2021, trên địa bàn tỉnh, thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài, cấp dự báo cháy rừng ở các huyện, thị xã, thành phố liên tục ở cấp IV, cấp V, nên nguy cơ xảy ra cháy rừng ở mức cao; kinh phí đầu tư cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng còn hạn chế.

b) Do áp lực gia tăng dân số cùng với việc tách hộ của người dân địa phương dẫn đến nhu cầu đất canh tác tăng, từ đó gia tăng tình trạng người dân phá rừng, khai thác

rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp để làm rẫy hoặc trồng rừng kinh tế, gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Mặt khác, diện tích rừng phân bố trên diện rộng ở những nơi cao, xa, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, gây khó khăn cho việc tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, nhất là các địa bàn vùng giáp ranh.

c) Tình hình dịch bệnh covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp, đời sống kinh tế của người dân gặp nhiều khó khăn nên dễ bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, lôi kéo đi khai thác, mua, bán và vận chuyển gỗ trái phép.

d) Các đối tượng vi phạm hoạt động ngày càng tinh vi, liều lĩnh và sẵn sàng cản trở, chống lại người thi hành công vụ để tẩu tán tang vật khi bị kiểm tra, phát hiện.. Trong khi đó, các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm còn hạn chế. Vì vậy, công tác phát hiện và xử lý vi phạm còn gặp nhiều khó khăn.

đ) Diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh rất lớn, xong nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát khai thác rừng trồng.

e) Nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của địa phương còn hạn hẹp trong khi vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương chưa đáp ứng nhu cầu về kinh phí của địa phương.

II. CÔNG TÁC THAM MURU, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR)

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 Kế hoạch Bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021; Văn bản số 2875/UBND-KT ngày 21/5/2021 về việc tăng cường các biện pháp cấp bách trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2047 ngày 21/5/2021 phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2020 và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14/7/2021 về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản: Văn bản số 15/SNN-KL ngày 06/01/2021 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp tổ chức tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo vệ rừng và PCCCR dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu; Văn bản số 188/SNN-KL ngày 26/01/2021 đề nghị UBND cấp huyện, các công ty TNHH lâm nghiệp và chỉ đạo các ban quản lý rừng phòng hộ, các chủ rừng khác quản lý vật liệu cháy và sử dụng lửa trong rừng và ven rừng; Văn bản số 1226/SNN-KL ngày 01/6/2021 về việc tăng cường các biện pháp cấp bách trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh năm 2021; Văn bản số 1779/SNN-KL ngày 19/7/2021 triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình; Văn bản số 2049/SNN-KL ngày 11/8/2021 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

Kế hoạch số 29/KH-SNN ngày 25/10/2021 phát động thi đua bảo vệ rừng 03 tháng cuối năm 2021 và đợt cao điểm trước, trong và sau tết Nguyên Nhâm Dần, năm 2022.

c) Ban hành các văn bản đôn đốc, chỉ đạo các hạt kiểm lâm như: Văn bản số 817/CCKL-QBPTR ngày 02/7/2021 về việc tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng, quản lý khai thác quả Uơi, Xoay trong điều kiện dịch covid – 19; Văn bản số 755/CCKL-QBPTR ngày 18/6/2021 về việc triển khai công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh năm 2021; Văn bản số 908/CCKL-QBPTR ngày 28/7/2021 về việc kiểm tra, xác minh các điểm có dấu hiệu nghi ngờ biến động rừng trên địa bàn tỉnh năm 2021; Văn bản số 1061/CCKL-QBPTR ngày 08/9/2021 về việc tăng cường công tác bảo vệ rừng trong điều kiện dịch bệnh covid-19; Văn bản số 1086/CCKL-QBPTR ngày 17/9/2021 về việc báo cáo kết quả theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và kiểm tra, xác minh các điểm có dấu hiệu nghi ngờ biến động rừng tự nhiên năm 2021; Văn bản số 1091/CCKL-QBPTR ngày 18/9/2021 về việc triển khai các giải pháp thực hiện văn bản số 2416/SNN-TTr ngày 16/9/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT, đề nghị Chi cục Thú y và các Hạt kiểm lâm thực hiện khuyến cáo của Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và Phát triển về việc tăng cường rà soát, kiểm tra và xử lý các hành vi nuôi nhốt, tàng trữ trái pháp luật các loại động vật hoang dã; Văn bản số 1185/CCKL-QBPTR ngày 12/10/2021 về việc kiểm tra và báo cáo kết quả việc chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã trên địa bàn quản lý; Văn bản số 1308/CCKL-QBPTR ngày 08/11/2021 về việc cập nhật diễn biến rừng năm 2021.

d) Chỉ đạo các hạt kiểm lâm phối hợp với các đơn vị ở địa phương, chủ rừng tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp với chính quyền cơ sở kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật.

2. Sử dụng và phát triển rừng

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành các quyết định phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng phương án Quản lý rừng bền vững của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và một số văn bản khác như: Văn bản số 1141/UBND-KT ngày 05/3/2021 về việc giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế năm 2021; Văn bản số 1130/UBND-KT ngày 05/03/2021 về việc chủ trương cho hộ nhận khoán quản lý bảo vệ rừng tự khai thác tận dụng cây Phi lao trên diện tích thực hiện nhà máy điện mặt trời; Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn bảo vệ và phát triển rừng năm 2021; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2021; Quyết định số 56/2021/QĐ-HĐND ngày 14/9/2021 quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành: Văn bản số 436/SNN-KL ngày 04/3/2021 đề nghị các Công ty TNHH Lâm nghiệp, các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng về việc tiếp tục thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng năm

2021; Văn bản số 489/SNN-KL ngày 11/03/2021 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố, các công ty TNHH Lâm nghiệp tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp và thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2021; Văn bản số 656/SNN-KL ngày 30/3/2021 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chỉ đạo để tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp do ảnh hưởng của dịch bệnh covid – 19; Văn bản số 1088/SNN-KL ngày 19/5/2021 về việc triển khai thực hiện Phương án QLRBV tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ và các văn bản triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 2430/SNN-KL ngày 17/9/2021 hướng dẫn Công ty TNHH LN Thiện Hoàng thực hiện dự án “Phát triển Chuỗi giá trị trồng rừng gỗ lớn bền vững theo tiêu chí FSC, dựa trên mô hình nhóm liên kết nhằm tăng thu nhập cho người dân trồng rừng và công ty chế biến gỗ; Văn bản số 2625/SNN-KL ngày 06/10/2021 giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế năm 2021 cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Vân Canh; Quyết định số 804/QĐ-SNN ngày 22/10/2021 về việc thành lập Đoàn kiểm tra diện tích rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước của các đơn vị bị thiệt hại do nắng hạn năm 2021; trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Quy định mức hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 306/TTr-SNN ngày 27/10/2021; trình UBND tỉnh xem xét cho chủ trương các hộ đồng bào dân tộc thiểu số làng Cam, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn khai thác rừng trồng tự đầu tư trên diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch phòng hộ, sản xuất và giao đất lâm nghiệp quy hoạch sản xuất để các hộ ổn định sản xuất lâu dài tại tờ trình số 322/TTr-SNN ngày 04/11/2021.

c) Ban hành các văn bản đơn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn hạt kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng như: Văn bản số 381/CCKL-QBPTR ngày 18/3/2021 về việc tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giống cây trồng và thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2021; Văn bản số 560/CCKL-QBPTR ngày 04/5/2021 chỉ đạo tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; Văn bản số 612/CCKL-QBPTR ngày 17/5/2021 về việc xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; Văn bản số 620/CCKL-QBPTR ngày 19/5/2021 hướng dẫn các hạt kiểm lâm cập nhật số liệu báo cáo trực tuyến kết quả sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; Văn bản số 662/CCKL-QBPTR ngày 31/5/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; Văn bản số 915/CCKL-QBPTR ngày 29/7/2021 đề nghị các đơn vị chủ rừng thực hiện các quy định về khai thác gỗ rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ đầu tư; Văn bản số 1087/CCKL-QBPTR ngày 17/9/2021 về việc đề xuất ban hành mới Nghị quyết HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế xã hội ở địa phương,...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÂM NGHIỆP NĂM 2021

1. Công tác tổ chức, xây dựng lực lượng kiểm lâm

a) Triển khai việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 682/QĐ-SNN ngày 10/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các

phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Chi cục Kiểm lâm. Tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm được tổ chức lại thành 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 11 đơn vị trực thuộc.

b) Thực hiện quy định về số lượng lãnh đạo tại Chi cục đang triển khai theo Phương án của Sở Nông nghiệp và PTNT. Vị trí Chi cục trưởng: khuyết 01 người; vị trí Phó Chi cục trưởng: quy định 02 người, hiện có 03 người (trong đó có 01 Phó Chi cục trưởng phụ trách).

c) Năm 2021, Chi cục Kiểm lâm được giao 173 biên chế công chức, 12 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Biên chế có mặt đến thời điểm báo cáo 166 biên chế và 12 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được chia theo ngạch, như sau:

- Kiểm lâm viên chính: 11 người;
- Kiểm lâm viên: 118 người;
- Kiểm lâm viên trung cấp: 29 người;
- Kế toán viên: 05 người;
- Kế toán viên cao đẳng: 02 người;
- Lưu trữ viên trung cấp: 01 người;
- Kiểm lâm viên sơ cấp: 01 người.

Ngoài ra, Chi cục Kiểm lâm còn được giao kinh phí để hợp đồng lao động hỗ trợ công tác cho kiểm lâm địa bàn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, PCCC ở cơ sở (hiện có mặt 31 người).

2. Hiện trạng tài nguyên rừng

Ngày 21/5/2021, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2047/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2020, cụ thể như sau:

a) Diện tích rừng, đất quy hoạch 3 loại rừng và đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng mới trồng rừng nhưng chưa thành rừng

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Diện tích rừng và đất chưa có rừng	417.485,32	416.632,25	-853,07
1. Diện tích rừng	335.120,42	340.166,47	5.046,05
a) Diện tích rừng tự nhiên	216.196,50	215.295,18	-901,32
- Trong 3 loại rừng	215.850,39	214.962,77	-887,62
- Ngoài 3 loại rừng	346,11	332,41	-13,70
b) Diện tích rừng trồng	118.923,92	124.871,29	5.947,37
- Trong 3 loại rừng	91.831,21	96.312,24	4.481,03
- Ngoài 3 loại rừng	27.092,71	28.559,05	1.466,34

2. Diện tích chưa có rừng	82.364,90	76.465,78	-5.899,12
a) Mới trồng chưa thành rừng	45.471,65	39.281,96	-6.189,69
- Trong 3 loại rừng	35.494,39	31.487,76	-4.006,63
- Ngoài 3 loại rừng	9.977,26	7.794,20	-2.183,06
b) Đất chưa có rừng trong 3 loại rừng	36.893,25	37.183,82	290,57

b) Diện tích các loại rừng, loại đất thuộc quy hoạch 3 loại rừng

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Diện tích thuộc 3 loại rừng	380.069,24	379.946,59	-122,65
1. Đất có rừng	307.681,60	311.275,01	3.593,41
a) Diện tích rừng tự nhiên	215.850,39	214.962,77	-887,62
b) Diện tích rừng trồng	91.831,21	96.312,24	4.481,03
2. Đất chưa có rừng	72.387,64	68.671,58	-3.716,06
a) Mới trồng chưa thành rừng	35.494,39	31.487,76	-4.006,63
b) Đất chưa có rừng các loại	36.893,25	37.183,82	290,57

c) Diện tích các loại rừng, loại đất phân theo chức năng 3 loại rừng

Đơn vị tính: ha

Phân theo chức năng 3 loại rừng	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Tổng diện tích	380.069,24	379.946,59	-122,65
1. Chức năng đặc dụng	32.839,65	32.839,65	0,00
a) Đất có rừng	27.495,37	27.419,06	-76,31
- Diện tích rừng tự nhiên	26.515,50	26.420,04	-95,46
- Diện tích rừng trồng	979,87	999,02	19,15
b) Đất chưa có rừng	5.344,28	5.420,59	76,31
- Mới trồng chưa thành rừng	360,22	336,05	-24,17
- Đất chưa có rừng các loại	4.984,06	5.084,54	100,48
2. Chức năng phòng hộ	178.550,37	178.509,25	-41,12
a) Đất có rừng	157.356,52	158.749,07	1.392,55
- Diện tích rừng tự nhiên	137.045,43	136.720,65	-324,78
- Diện tích rừng trồng	20.311,09	22.028,42	1.717,33
b) Đất chưa có rừng	21.193,85	19.760,18	-1.433,67
- Mới trồng chưa thành rừng	4.807,53	3.418,71	-1.388,82

- Đất chưa có rừng các loại	16.386,32	16.341,47	-44,85
3. Chức năng sản xuất	168.679,22	168.597,69	-81,53
a) Đất có rừng	122.829,71	125.106,88	2.277,17
- Diện tích rừng tự nhiên	52.289,46	51.822,08	-467,38
- Diện tích rừng trồng	70.540,25	73.284,80	2.744,55
b) Đất chưa có rừng	45.849,51	43.490,81	-2.358,70
- Mới trồng chưa thành rừng	30.326,64	27.733,00	-2.593,64
- Đất chưa có rừng các loại	15.522,87	15.757,81	234,94

d) Diện tích ngoài quy hoạch 3 loại rừng, gồm đất có rừng, đất mới trồng rừng chưa thành rừng và các loại đất khác

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Tổng diện tích	227.064,09	227.205,14	141,05
1. Diện tích có rừng và đất mới trồng rừng chưa thành rừng	37.416,08	36.685,66	-730,42
1.1. Đất có rừng	27.438,82	28.891,46	1.452,64
a) Diện tích rừng tự nhiên	346,11	332,41	-13,70
b) Diện tích rừng trồng	27.092,71	28.559,05	1.466,34
1.2. Đất mới trồng chưa thành rừng	9.977,26	7.794,20	-2.183,06
2. Diện tích không có rừng (đất lúa, thổ cư, đất công nghiệp,...)	189.648,01	190.519,48	871,47

3. Bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng

a) Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR)

- Công tác PCCCR

+ Các hạt kiểm lâm, đơn vị chủ rừng đã triển khai các biện pháp PCCCR theo kế hoạch bảo vệ rừng, PCCCR đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao để phát hiện và chữa cháy kịp thời...

+ Các hạt kiểm lâm đã tham mưu cho UBND huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) tổ chức kiểm tra công tác PCCCR tại địa phương, kết quả: Đã kiện toàn 11/11 Ban Chỉ huy BVR-PCCCR cấp huyện, 116 Ban Chỉ huy BVR-PCCCR cấp xã, 17 Ban Chỉ huy BVR-PCCCR chủ rừng là tổ chức, 533 tổ, đội BVR-PCCCR cấp xã, 259 tổ, đội BVR-PCCCR của chủ rừng, có 9.282 người tham gia; kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện, xã ban hành 11 kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR cấp huyện, 116 kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR cấp xã và 17 kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR của chủ rừng. Ngoài ra, các địa phương và chủ rừng đã quan tâm, đầu tư một

phân kinh phí phục vụ công tác PCCCR năm 2021 với 1.996.637.000 đồng (địa phương 1.348.138.000 đồng, chủ rừng 648.499.000 đồng).

Trong năm, xảy ra 05 vụ cháy rừng, diện tích thiệt hại 25,95 ha. Cụ thể: thị xã Hoài Nhơn 01 vụ, diện tích 0,33 ha; huyện Phù Cát 01 vụ, diện tích 1,7 ha; huyện Phù Mỹ 02 vụ, diện tích 23,84 ha; huyện Vĩnh Thạnh 01 vụ, diện tích 0,079 ha. Các hạt kiểm lâm đã phối hợp với chủ rừng, cơ quan chức năng điều tra và xử lý 01 vụ (Vĩnh Thạnh), các vụ còn lại đang tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định. So với năm 2020 giảm 03 vụ, diện tích tăng 10,08 ha.

- Công tác bảo vệ rừng: Các hạt kiểm lâm đã phối hợp với các ngành chức năng và chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng và chốt chặn bảo vệ rừng tại các điểm trọng yếu; tổ chức 2.432 đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng, phá bỏ 253 bẫy động vật rừng, 03 lán trại, 600 kg than và 35 lò than hầm trái phép. Kết quả phát hiện và xử lý cụ thể như sau:

+ Phá rừng trái pháp luật: Phát hiện và lập biên bản 37 vụ vi phạm, diện tích thiệt hại 260.967 m². Trong đó: Diện tích rừng thuộc quy hoạch chức năng phòng hộ 104.124 m², diện tích rừng thuộc quy hoạch chức năng sản xuất 156.843 m²; Chủ quản lý: UBND xã 169.699 m²; Ban Quản lý rừng đặc dụng 970 m²; Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão 413 m²; Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh 3.101 m²; Ban Quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ 53.000 m²; Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 392 m²; hộ gia đình 33.392 m². So với năm 2020, số vụ phá rừng tăng 12 vụ, diện tích tăng 193.894 m².

Kết quả xử lý: Các hạt kiểm lâm đã củng cố hồ sơ và xử lý 23 vụ vi phạm (khung hình sự 02 vụ, khung hành chính 21 vụ); phạt tiền 387.595.000 đồng; tịch thu 01 máy đào, 02 máy cưa xăng, 02 cái rựa và buộc các đối tượng phải trồng lại rừng trên diện tích vi phạm. Cụ thể:

Huyện An Lão - xảy ra 08 vụ (khung hình sự 02 vụ, khung hành chính 06 vụ) - diện tích 50.545 m² - đã xử lý xong.

Huyện Hoài Ân - xảy ra 14 vụ - diện tích 36.112 m² - đã xử lý 07 vụ, còn lại 07 vụ đang tiếp tục điều tra để xử lý.

Huyện Phù Mỹ - xảy ra 01 vụ - diện tích 53.000 m² - Hạt Kiểm lâm đang củng cố hồ sơ để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định.

Huyện Tây Sơn - xảy ra 03 vụ - diện tích 96.300 m² - đang tiếp tục điều tra để xử lý.

Huyện Vĩnh Thạnh - xảy ra 08 vụ - diện tích 14.589 m² - đã xử lý xong.

Thị xã An Nhơn - xảy ra 03 vụ - diện tích 10.421 m² - đang tiếp tục điều tra để xử lý.

+ Khai thác rừng trái pháp luật:

Phát hiện và lập biên bản 08 vụ vi phạm, trong đó: Huyện Vĩnh Thạnh 06 vụ, tổng khối lượng 53,199 m³ gỗ chủng loại giới nhóm III và 80 kg gốc cây gỗ giới; huyện

Vân Canh 01 vụ, khối lượng 3,331 m³ gỗ chủng loại Giổi nhóm III; huyện Phù Mỹ 01 vụ, khối lượng 0,563 m³ gỗ chủng loại dầu nhóm V. So với năm 2020 giảm 13 vụ.

Kết quả xử lý: Các hạt Kiểm lâm đã phối hợp với cơ quan chức năng điều tra và xử lý 08 vụ (khung hình sự 03 vụ, khung hành chính 05 vụ), trong đó: huyện Vĩnh Thạnh 06 vụ, huyện Phù Mỹ 01 vụ và 01 vụ ở Tây Sơn xảy ra năm 2020 chuyển sang xử lý năm 2021. Phạt tiền 295.448.000.000 đồng; tịch thu 80 kg gốc cây gỗ giổi, 02 cưa xăng cầm tay và 01 lưỡi cuốc; buộc các đối tượng nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp với tổng số tiền 16.234.000 đồng. Cụ thể:

Huyện Vĩnh Thạnh - xảy ra 06 vụ (khung hình sự 03 vụ, khung hành chính 03 vụ) - đã xử lý xong.

Huyện Phù Mỹ - xảy ra 01 vụ - đã xử lý xong.

Huyện Vân Canh - xảy ra 01 vụ - đang tiếp tục điều tra để xử lý.

Huyện Tây Sơn - năm 2020 chuyển sang 01 vụ - đã xử lý xong.

+ Lấn chiếm rừng trái pháp luật:

Trong năm, xảy ra 01 vụ lấn chiếm rừng trái pháp luật tại khoảnh 2, tiểu khu 112, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân. Diện tích lấn chiếm 526 m², thuộc quy hoạch chức năng phòng hộ, do Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân quản lý. Hạt Kiểm lâm Hoài Ân đã phối hợp với chủ rừng, cơ quan chức năng điều tra và đã xử phạt hành chính 2.000.000 đồng, buộc đối tượng phải khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi lấn chiếm. Tăng 01 vụ so với năm 2020, diện tích tăng 526 m².

+ Mua, bán, cất giữ, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: Phát hiện và lập biên bản 190 vụ vi phạm (12 vụ vận chuyển, 03 vụ tàng trữ, 171 vụ vô chủ và 04 vụ về hồ sơ thủ tục), tạm giữ: 179,765 m³ gỗ rừng tự nhiên các loại, 25,473 m³ gỗ rừng trồng keo lai, 1.730 kg gốc cây cà te, 01 cây bằng lăng trọng lượng 300 kg, 12 xe ô tô, 14 xe máy, 01 mót kéo và 02 cưa xăng cầm tay.

Đã xử lý 166 vụ, trong đó có 02 vụ vận chuyển và 10 vụ vô chủ xảy ra trong năm 2020 chuyển sang xử lý năm 2021. Cụ thể: 148 vụ vô chủ, 11 vụ vận chuyển, 3 vụ tàng trữ, 4 vụ về hồ sơ thủ tục; tịch thu 168,337 m³ gỗ rừng tự nhiên các loại, 59 kg gỗ hương tía, 460 kg ươi, 05 ô tô, 08 xe máy, 01 mót kéo, phạt tiền 193.000.000 đồng.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp: Các hạt kiểm lâm đã tổ chức 1.944 lượt tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã, 04 đợt tuyên truyền lưu động và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức 180 đợt tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR có 12.642 lượt người tham dự và 2.016 người ký cam kết bảo vệ rừng.

- Phá bỏ cây trồng trên đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái pháp luật: Các hạt kiểm lâm đã phối hợp với chủ rừng, chính quyền địa phương tổ chức phá bỏ 88,986 ha cây trồng trên đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái pháp luật, gồm: huyện An Lão 64,473 ha; huyện Hoài Ân 19,93 ha; huyện Vân Canh 1,2 ha; huyện Vĩnh Thạnh 3,383 ha.

- Qua công tác xử lý vi phạm, đã thu nộp vào Ngân sách nhà nước: 2.176.796.665 đồng, gồm: 357.448.000 đồng tiền phạt và 1.819.348.665 đồng tiền bán tang vật vi phạm.

b) Tình hình chống người thi hành công vụ

- Từ đầu năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 07 vụ chống người thi hành công vụ, trong đó: Huyện Hoài Ân 04 vụ, huyện Vân Canh 01 vụ, huyện Tây Sơn 01 vụ và thị xã An Nhơn 01 vụ.

- Số vụ đã xử lý: 05 vụ, cụ thể:

+ Công an xã Đak Mang và Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân xử phạt hành chính 02 vụ (02 đối tượng) về hành vi cản trở người thi hành công vụ với tổng số tiền phạt là: 4.000.000 đồng.

+ Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân xử phạt 01 vụ (01 đối tượng) về hành vi chống người thi hành công vụ, mức phạt 09 tháng tù treo.

+ Công an xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn tổ chức làm việc, hòa giải 01 vụ (03 đối tượng) đánh 01 đồng chí Kiểm lâm địa bàn tại quán ăn và kết quả bồi thường thiệt hại với số tiền 4.500.000 đồng.

+ Công an xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân đã đình chỉ điều tra 01 vụ (01 đối tượng) dùng xe mô tô chèn ép, cản trở và tông vào xe của lực lượng đang thi hành nhiệm vụ vì không đủ cơ sở để xử lý.

- Số vụ đang xử lý: 02 vụ, cụ thể:

+ Công an xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn đang thụ lý giải quyết 01 vụ (02 đối tượng) có hành vi vào Chốt Bảo vệ rừng đập phá và có lời lẽ hăm dọa lực lượng bảo vệ rừng.

+ Công an huyện Vân Canh đã ban hành quyết định khởi tố 01 vụ chống người thi hành công vụ và khởi tố 03 bị can.

So với cùng kỳ năm 2020, tình hình chống người thi hành công vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định tăng 04 vụ.

4. Phát triển rừng

a) Khoán bảo vệ rừng và khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Bảo vệ tốt 121.250 ha rừng giao khoán bảo vệ cho hộ gia đình, cộng đồng địa phương và 313,7 ha đất lâm nghiệp giao khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

Đối với nguồn kinh phí khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2021: Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí cho công tác bảo vệ rừng năm 2021, theo đó Trung ương mới phân bổ cho tỉnh 6.600 triệu đồng. Ngày 29/6/2021 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2021, với số tiền 6.600 triệu đồng.

Đối với kinh phí khoán bảo vệ rừng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, kinh phí thực hiện công tác khoán quản lý bảo vệ rừng năm 2021 đối với các xã này theo Quyết định số 861/QĐ-TTg được phân bổ từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Đến thời điểm hiện nay, Trung ương chưa bổ sung kinh phí còn thiếu cho Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 202; kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và kinh phí hỗ trợ bảo vệ diện tích rừng tự nhiên sản xuất của các công ty lâm nghiệp đóng cửa rừng. Tổng kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ diện tích rừng tự nhiên sản xuất của các công ty lâm nghiệp đóng cửa rừng trên địa bàn tỉnh còn thiếu 47.648,43 triệu đồng.

b) Chăm sóc rừng trồng: Kế hoạch năm 2021 là 19.750 ha (phòng hộ 751,2 ha, sản xuất 19.178,75 ha). Đến nay, đã thực hiện chăm sóc 17.696,05 ha (phòng hộ 571,2 ha, sản xuất 17.124,8 ha) đạt 89,6% so với kế hoạch. Ước cả năm 2021, chăm sóc rừng trồng đạt 100% kế hoạch.

c) Sản xuất cây giống: Kế hoạch năm 2021, sản xuất 200 triệu cây giống các loại để phục vụ cho công tác trồng rừng trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, do thời tiết nắng nóng kéo dài gây thiếu nước tưới, đến nay toàn tỉnh sản xuất được 164.618.800 cây giống (đạt 82,31% kế hoạch), gồm: Keo lai hom 151.380.000 cây; Keo lai mô 12.213.000 cây; Keo lá tràm 60.000 cây; Sao đen: 610.000 cây, Lim xanh: 140.000 cây; Thông: 150.000 cây; Phi lao 34.000 cây; Bạch đàn mô: 20.000 cây; Keo tam bội: 11.800 cây.

d) Trồng rừng: Kế hoạch trồng rừng năm 2021 là 8.000 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 170,17 ha, trồng rừng sản xuất 7.829,83 ha. Kết quả thực hiện đến nay là 5.492,05 ha, đạt 68,7% kế hoạch, cụ thể như sau:

- Trồng rừng phòng hộ:

+ Diện tích UBND tỉnh giao nhiệm vụ trồng rừng cho các đơn vị 170,17 ha, diện tích thực hiện 56,2 ha đạt 33% kế hoạch; diện tích đang thực hiện 33,23 ha của Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân; Diện tích không thực hiện được 80,7 ha do đang giải quyết tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp, gồm các đơn vị: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây sơn 25,0 ha và Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh 55,74 ha. Trong đó:

* Trồng rừng thay thế: Diện tích thực hiện 34,7 ha/123,67 ha đạt 28,06% kế hoạch, các đơn vị thực hiện gồm: Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 30,0 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 4,7 ha; diện tích đang thực hiện 33,23 ha của Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân; diện tích không thực hiện 55,74 ha của Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh.

* Trồng rừng thuộc Dự án Bảo vệ, phát triển rừng: Diện tích thực hiện 21,5 ha/46,5 ha, đạt 46,2% kế hoạch, đơn vị thực hiện là Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn; diện tích không thực hiện 25,0 ha của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.

+ Diện tích trồng rừng thay thế của năm 2020 chuyển sang năm 2021: Diện tích thực hiện 30,0 ha/49,26 ha, đạt 60,9% kế hoạch, đơn vị thực hiện là Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão. Diện tích đang thực hiện 19,26 ha của UBND huyện An Lão.

+ Trồng lại rừng sau khai thác: Diện tích thực hiện 47,75 ha, gồm các đơn vị: Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn 37,75 ha, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ 10,0 ha.

- Trồng rừng sản xuất: Kế hoạch năm 2021 trồng 7.829,83 ha, trong đó: Các công ty lâm nghiệp trồng 2.053,30 ha, hộ gia đình trồng 5.760,26 ha. Đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 5.358,1 ha, đạt 68,4% kế hoạch. Trong đó: Các công ty lâm nghiệp 1.832,2 ha, hộ gia đình 3.525,9 ha.

Trong thời gian tới, các chủ rừng tiếp tục tranh thủ thời tiết thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ trồng rừng. Dự kiến, đến hết mùa vụ trồng rừng năm 2021, toàn tỉnh sẽ trồng rừng đạt 100% kế hoạch.

5. Khai thác, chế biến, xuất nhập khẩu lâm sản

a) Khai thác lâm sản

Năm 2021, toàn tỉnh đã khai thác được 7.621,77 ha rừng trồng, sản lượng đạt 691.570,6 tấn gỗ. So với năm 2020, diện tích tăng 2.299,34 ha, sản lượng tăng 269.225,40 tấn gỗ. Cụ thể theo từng địa phương như sau:

STT	Đơn vị	Khai thác rừng trồng	
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Huyện Phù Cát	258,4	22.206
2	Huyện Phù Mỹ	64,6	6.459
3	Huyện Hoài Ân	1.513,38	152.570
4	Thị xã Hoài Nhơn	715,19	65.675
5	Huyện An Lão	849,47	67.957,6
6	Thị xã An Nhơn	57,09	5.138,1
7	Huyện Vĩnh Thạnh	33,91	1.871,9
8	Huyện Tuy Phước	595,96	47.676,8
9	Huyện Vân Canh	2.246,86	205.137
10	Huyện Tây Sơn	501,66	43.854,0
11	TP. Quy Nhơn	785,31	73.024,8
	Tổng	7.621,77	691.570,6

b) Chế biến lâm sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 220 cơ sở chế biến lâm sản. Trong đó: 04 công ty chế biến ván ghép thanh, 04 công ty sản xuất viên nén gỗ, 01 công ty sản xuất bao bì bằng gỗ, 17 công ty sản xuất dăm gỗ, 76 công ty sơ chế gỗ tròn, gỗ xẻ, 109 công ty sản xuất đồ mộc nội thất, 02 công ty sản xuất đồ mộc xây dựng và 07 công ty sản xuất đồ mộc khác.

c) Xuất nhập khẩu lâm sản

- Tổng giá trị xuất khẩu lâm sản trong năm 2021 khoảng 737,1 triệu USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó:

+ Các sản phẩm đồ gỗ nội thất, ngoại thất, sân vườn: Đạt 389,4 triệu USD, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Các loại sản phẩm gỗ khác (Dăm mảnh, viên nén, ...): Đạt 176,7 triệu USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Các sản phẩm từ nhựa đan/hàng giả mây: Đạt 171 triệu USD, tăng 81% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tổng giá trị nhập khẩu gỗ của tỉnh trong năm 2021 khoảng 46,6 triệu USD (tương đương 25.000 m³ gỗ), tăng 25% so với cùng kỳ năm 2020.

6. Dịch vụ môi trường rừng

a) Thu tiền chi trả DVMTR: Tính từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo là 9.621.952.456 đồng (đạt 115% so với kế hoạch thu năm 2021). Trong đó:

- Thu từ Quỹ Trung ương điều phối: 4.187.168.456 đồng.

- Thu nội tỉnh: 5.418.509.823 đồng (bao gồm: Thu từ cơ sở sản xuất thủy điện: 4.026.154.752 đồng; thu từ các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch: 1.367.956.571 đồng; thu từ cơ sở sản xuất công nghiệp: 24.398.500 đồng).

- Lãi tiền gửi ngân hàng: 16.274.177 đồng.

b) Chi trả tiền DVMTR: Tổng số tiền DVMTR đã chi lũy kế từ ngày 01/01 đến thời điểm báo cáo là: 12.700.391.521 đồng (gồm: Chi trả tiền DVMTR năm 2019, 2020 và tạm ứng năm 2021: 10.049.812.507 đồng và điều tiết từ nguồn thu tiền DVMTR không xác định được đối tượng nhận tiền: 2.650.579.015 đồng).

7. Các nhiệm vụ khác

a) Chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác

Công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ.

Tính đến tháng 11 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 32 Dự án với tổng diện tích 208,49 ha (chi tiết tại Bảng 01 kèm theo); 22 Dự án đã có quyết định

chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với tổng diện tích 260,28 ha, trong đó có 04 dự án được cấp thẩm quyền cho chủ trương trong năm 2020.

Trong năm 2021, UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên phòng hộ 01 dự án, với diện tích 25,62 ha (Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương năm 2020) để xây dựng Thủy điện Vĩnh Sơn 4.

b) Quản lý các cơ sở nuôi, trồng động vật và thực vật hoang dã

- Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện nay có 70 cơ sở nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và thông thường; 01 cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; 01 cơ sở Bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó:

+ Cơ sở nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật hoang dã: 70 cơ sở với 3.318 cá thể của các loài: Cây hương, Cây vòi hương, Cây vòi mốc, Rắn ráo trâu, Cheo cheo, Rùa núi vàng, Rùa đất lớn, ...

+ Cơ sở Bảo tồn đa dạng sinh học thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vườn thú Faros được thành lập tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 27/01/2017 của UBND tỉnh Bình Định, gồm các loài: Động vật rừng nguy cấp quý hiếm: Hổ, Gấu ngựa, Voi, Cá sấu, khỉ mặt đỏ, khỉ đuôi dài, Công xanh Đông Dương, Gà lôi trắng; động vật rừng thông thường: Đà Điểu, Trĩ đỏ, Trĩ vàng Nhật, Hươu sao, ...

+ Cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm: 01 cơ sở, gồm 01 loài (Dó bầu).

(Chi tiết tại Bảng 02 kèm theo)

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 8509/BNN-TTr ngày 07/12/2020 về việc triển khai thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Văn bản số 8259/UBND-KT ngày 11/12/2020, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao Chi cục Kiểm lâm khảo sát, đề xuất nội dung thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; đồng thời bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2021 và giao Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường (PC05) - Công an tỉnh Bình Định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

Ngày 01/10/2021, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 766/QĐ-SNN về việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trên địa bàn tỉnh, tại thời điểm thanh tra, kiểm tra có 73 cơ sở (01 tổ chức và 72 cá nhân) nuôi ĐVHD. Nhìn chung, các cơ sở nuôi ĐVHD nói chung trên địa bàn tỉnh chủ yếu là hộ gia đình và cá nhân, có quy mô số lượng cá thể không nhiều. Kết quả: Hầu hết, các cơ sở đều chấp hành quy định của pháp luật về quản lý ĐVHD như: có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp; chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi, bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; có Giấy chứng nhận về việc cấp mã số

cơ sở; số theo dõi hoạt động nuôi, ghi chép đầy đủ số lượng cá thể tăng, giảm đàn và có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm theo quy định. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở chưa thực hiện hoặc thực hiện một số thủ tục chưa đầy đủ về vệ sinh môi trường, vệ sinh thú y và phòng ngừa dịch bệnh do cơ quan có thẩm quyền xác nhận, chứng nhận theo quy định; Đoàn thanh tra, kiểm tra nhắc nhở và yêu cầu 100% chủ cơ sở ký bản cam kết thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

c) Thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển

- Bảo vệ rừng ven biển

Thực hiện khoán bảo vệ rừng ven biển 1.429,5 ha, gồm: 86,71 ha rừng ngập mặn và 1.342,8 ha rừng chắn gió, chắn cát. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu PTLN bền vững 996,7 ha; nguồn vốn củng cố, bảo vệ, nâng cấp đê biển 9,4 ha và nguồn vốn khác (trồng rừng sau khai thác Titan, Khoán quản lý bảo vệ của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) 423,4 ha.

- Phát triển rừng ven biển

+ Thực hiện trồng 28,9 ha rừng chắn gió, chắn cát.

+ Thực hiện chăm sóc 78,34 ha rừng ven biển, gồm: 10,8 ha rừng ngập mặn và 67,54 ha rừng chắn gió, chắn cát.

d) Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

- Quản lý rừng bền vững: Trong năm 2021, Chi cục Kiểm lâm Bình Định đã tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng phương án cho 09/09 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Hiện nay, Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân đã xây dựng xong phương án, đang trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định; 4 đơn vị, gồm: Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn, Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phù Cát và Ban Quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ đang phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai lập phương án, các Ban Quản lý rừng phòng hộ còn lại do UBND huyện chưa phê duyệt kinh phí nên chưa triển khai thực hiện.

- Cấp chứng chỉ rừng (FSC): Đến nay, diện tích được cấp chứng chỉ FSC trên địa bàn tỉnh: 16.717,10 ha, trong đó:

+ Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh: 2.780,55 ha.

+ Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 4.183,67 ha.

+ Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn: 9.752,88 ha.

Hiện nay, một số chủ rừng là tổ chức và một số doanh nghiệp chế biến gỗ đang phối hợp với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân lập thủ tục cấp chứng chỉ rừng đối với diện tích rừng trồng.

(Chi tiết tại Bảng 03 kèm theo)

đ) Trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ lớn:

- Kết quả thực hiện trồng cây gỗ lớn: Đến nay, tổng diện tích trồng cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định là 3.136,17 ha. Kế hoạch năm 2021 là 850,60 ha, trong đó:

+ Diện tích trồng lại sau khai thác: 652,7 ha (Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 179,6 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh 296,6 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 176,5 ha).

+ Diện tích rừng trồng chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn: 197,9 ha (Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 45,4 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh 152,5 ha).

Hiện nay, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn đã trồng xong và đang lập hồ sơ chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn; Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đã trồng 137,8 ha, còn 38,7 ha do chưa khai thác xong nên chưa trồng. Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh cho chủ trương để Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiện Hoàng và Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân liên kết với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân lập dự án trồng rừng gỗ lớn. hiện nay các đơn vị này đang thực hiện.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được

a) Công tác khoán bảo vệ rừng, khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên được các đơn vị triển khai kịp thời và bảo vệ tốt.

b) Công tác sản xuất cây giống lâm nghiệp đến nay chưa đạt kế hoạch nhưng đảm bảo đủ để trồng rừng trên địa bàn tỉnh và cung cấp thị trường ngoài tỉnh. Cây giống được quản lý chặt chẽ về nguồn gốc và chất lượng.

c) Các hạt kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

d) Thu tiền dịch vụ môi trường rừng: Đạt 115% so với kế hoạch thu.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Số vụ phá rừng tăng so với năm 2020.

- Số vụ cháy rừng giảm so với năm 2020, nhưng đám cháy xảy ra trên diện rộng nên diện tích rừng bị thiệt hại tăng hơn.

- Tình trạng khai thác gỗ trái phép, lấn, chiếm rừng, đất lâm nghiệp để làm rẫy hoặc trồng rừng kinh tế vẫn xảy ra.

- Tình trạng mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Gỗ rừng tự nhiên ngày càng có giá trị trên thị trường dẫn đến tình trạng mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật ngày càng tăng với nhiều hình thức ngày càng

tình vi, khó phát hiện. Một số đối tượng bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm và sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng khi bị phát hiện.

- Một số huyện chỉ đạo triển khai trồng rừng phòng hộ còn chậm, do đó đến nay chưa đạt kế hoạch được giao, như UBND huyện An Lão và UBND huyện Hoài Ân.

- Tiến độ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng còn chậm, một số đơn vị chưa triển khai thực hiện.

- Trồng mới 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 có huyện chưa xây dựng kế hoạch (thị xã An Nhơn), kế hoạch trồng cây năm 2021 của cấp huyện mới chỉ dừng lại ở xây dựng kế hoạch khối lượng thực hiện, chưa xác định được tổng kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.

- Trồng rừng cây gỗ lớn mới tập trung thực hiện ở các Công ty Lâm nghiệp nhà nước, các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân hầu như chưa thực hiện.

b) Nguyên nhân

- Nhu cầu đất trồng rừng của người dân lớn nên tìm cách lén lút phá rừng; phát nương rẫy lấn vào rừng tự nhiên.

- Thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài, trên toàn tỉnh cấp dự báo cháy rừng thường xuyên ở cấp IV, cấp V. Mặt khác, nhiều diện tích rừng trồng ở gần khu dân cư, khu công nghiệp thường xuyên sử dụng lửa nên dễ xảy ra cháy rừng; Một số diện tích rừng gần khu nghĩa địa người dân thường thắp nhang, đốt vàng mã để cúng tế, do đó khi gặp thời tiết bất lợi dễ xảy ra cháy rừng; Một số chủ rừng không thực hiện chăm sóc rừng đúng thời vụ, khi xảy ra cháy rừng kết hợp với gió lớn đã tạo điều kiện cho đám cháy lan rộng gây thiệt hại lớn về diện tích.

- Một bộ phận thanh niên địa phương không có việc làm ổn định, đời sống khó khăn và bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, lôi kéo đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép.

- Gỗ rừng tự nhiên ngày càng có giá trị trên thị trường dẫn đến tình trạng mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật ngày càng tăng với nhiều hình thức ngày càng tinh vi, khó phát hiện. Một số đối tượng, vì lợi ích kinh tế nên đã bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm và sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng thi hành công vụ khi bị phát hiện.

- Công tác quản lý đất lâm nghiệp của một số Ban Quản lý rừng phòng hộ và chính quyền xã chưa chặt chẽ, để người dân chiếm đất trồng rừng trên diện tích đăng ký trồng rừng năm 2021. Do đó, không thực hiện được kế hoạch trồng rừng UBND tỉnh đã giao, như Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn và Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh.

- Kinh phí xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện, đến nay một số UBND cấp huyện chưa cân đối được kinh phí. Do đó, chưa phân bổ kinh phí để Ban Quản lý rừng phòng hộ thực hiện. Một số Ban quản lý đã được cấp kinh phí, nhưng do dịch Covid-19 nên tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch.

- Là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh, do đó nhiều huyện còn lúng túng trong việc xác định vị trí trồng cây, chọn loài cây trồng và chưa cân đối được nguồn vốn để hỗ trợ cho UBND cấp xã cũng như người dân để thực hiện trồng cây.

- Trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn yêu cầu đất trồng rừng tương đối bằng phẳng, đất tốt và ở những nơi thuận lợi về giao thông. Mặt khác, kinh phí đầu tư lớn, thời gian chăm sóc dài và dễ bị rủi ro thiệt hại do gió bão, cháy rừng Trong khi đó, người trồng rừng còn khó khăn về kinh tế, các chính sách của nhà nước về hỗ trợ trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn chưa thực hiện được vì kinh tế khó khăn, mức hỗ trợ còn thấp nên chưa khuyến khích được người dân tham gia trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÂM NGHIỆP NĂM 2022

1. Nhiệm vụ

a) Quản lý, bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên hiện có của tỉnh. Đảm bảo phát triển lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Nâng độ che phủ rừng năm 2022 đạt 56,83%.

b) Thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCCR; hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng, khai thác rừng trái phép và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ. Lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Chủ động trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao để phát hiện và chữa cháy kịp thời, hiệu quả.

d) Tiếp tục thực hiện khoán 121.369 ha rừng cho hộ gia đình, cộng đồng địa phương và 340,0 ha đất lâm nghiệp giao khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; trồng rừng 8.000 ha; chăm sóc rừng 19.500 ha.

đ) Tiếp tục phối hợp các ngành, chính quyền địa phương, chủ rừng đẩy mạnh công tác trồng rừng cây gỗ lớn, gắn với cấp chứng chỉ rừng FSC (theo Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035); xây dựng chính sách khuyến khích hỗ trợ trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

e) Tiếp tục hướng dẫn các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng xây dựng và triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững.

g) Tiếp tục phối hợp và đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành.

2. Giải pháp trọng tâm

a) Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban

Bí thư Ban chấp hành Trung Ương Đảng và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; đồng thời tham mưu sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW làm cơ sở rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm thực hiện hiệu quả hơn.

b) Chỉ đạo các hạt kiểm lâm phối hợp với chủ rừng, các ngành, hội, đoàn thể và chính quyền địa phương đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR đến các tầng lớp nhân dân phù hợp với từng địa phương. Đặc biệt, đối với các huyện có nguy cơ cao xảy ra phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật thì tổ chức tuyên truyền trực tiếp đến người dân sống gần rừng, người đồng bào dân tộc thiểu số và nhất là các đối tượng thường xuyên vào rừng khai thác, mua, bán, vận chuyển gỗ trái phép; nội dung tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với phong tục, tập quán tại địa phương bằng nhiều hình thức khác nhau để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

c) Phối hợp với các cơ quan báo, đài, truyền thông đưa tin các hoạt động bảo vệ rừng, các giải pháp nâng cao hiệu quả trồng rừng; phối hợp tăng cường công tác tuần tra bảo vệ rừng, quản lý, bảo vệ động vật hoang dã...nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng trong nhân dân.

d) Củng cố và kiện toàn Ban chỉ huy BVR-PCCCR các cấp; duy trì việc trực, ứng trực bảo vệ rừng và PCCCR, đặc biệt tổ chức trực, ứng trực 24/24 giờ trong các tháng cao điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng và phá rừng. Thực hiện nghiêm túc việc cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phá rừng; theo dõi, cập nhật, tổng hợp và cung cấp thông tin cấp dự báo nguy cơ cháy rừng, các điểm cháy rừng, phá rừng kịp thời đến các hạt kiểm lâm, chủ rừng và chính quyền địa phương nhằm chủ động thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ rừng và PCCCR.

đ) Chỉ đạo các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR đẩy mạnh công tác trinh sát, nắm bắt tình hình; chủ động phối hợp với các ngành ở địa phương tăng cường công tác kiểm tra, truy quét, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là sử dụng các phần mềm ứng dụng, thiết bị, ảnh viễn thám trong công tác theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát hiện các vụ vi phạm về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

g) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp; công tác khai thác gỗ rừng trồng, trồng rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định.

h) Đôn đốc, hướng dẫn các công ty TNHH lâm nghiệp, các ban quản lý rừng phòng hộ tích cực triển khai chăm sóc rừng trồng và triển khai trồng rừng đúng lịch thời vụ, kế hoạch đề ra.

i) Chủ động xây dựng, đề xuất các chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý nhằm định hướng, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Chính phủ quan tâm cấp bổ sung 47.648,43 triệu đồng kinh phí hỗ trợ bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp đóng cửa rừng và kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, khoán khoán nuôi tái sinh rừng năm 2021 của tỉnh Bình Định.

2. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống, nguồn giống chất lượng cao; hỗ trợ tăng cường công tác xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm lâm nghiệp; tăng cường chính sách hỗ trợ khuyến khích các nhà đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp từ khâu sản xuất giống, trồng rừng đến khai thác và tiêu thụ sản phẩm.

Chi cục Kiểm lâm Bình Định kính báo cáo Chi cục Kiểm lâm vùng IV biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, QBPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Huỳnh Ngọc Bảo

**BẢNG 01: TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-CCKL ngày tháng 11 năm 2021 của Chi cục Kiểm lâm Bình Định)

TT	Quận, huyện	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Dự án, diện tích được chấp thuận		Dự án, diện tích đã, đang thực hiện		Ghi chú
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	
1	Tây Sơn	5	16,72	5	16,72	5	16,72	<p>1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại thôn Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn.</p> <p>2. Khai thác mỏ đất san lấp phục vụ thi công xây dựng công trình Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn.</p> <p>3. Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi Bình Định và Hưng Yên - Tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn, huyện Tây Sơn.</p> <p>4. Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn.</p> <p>5. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực núi Hòn Ổ Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn.</p>
2	Phù Cát	5	37,85	5	37,85	5	37,85	<p>1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Trang trại trồng Nấm và cây dược liệu Hoàng Trung.</p> <p>2. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án Khu du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng cao cấp Chánh Oai.</p> <p>3. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân.</p> <p>4. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Cát Minh, huyện Phù Cát</p> <p>5. Dự án chuyển mục đích sử dụng rừng để gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát.</p>
3	Vĩnh Thạnh	3	34,58	3	34,58	3	34,58	<p>1. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông (Tiểu dự án: Nâng cấp, sửa chữa tuyến giao thông liên huyện Vĩnh Thạnh kết nối quốc lộ 19 và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai).</p> <p>2. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông.</p> <p>3. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 4.</p>

4	Quy Nhơn	12	73,71	12	73,71	12	73,71	1. Khai thác mỏ đất san lấp phục vụ các dự án thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.2.Dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công công trình Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.3. Dự án Trạm trộn bê tông thương phẩm Như Ý.4.Dự án Khu dịch vụ bãi đậu xe Thuận Nghĩa5. Dự án Bãi đậu xe và dịch vụ bảo dưỡng xe ô tô Kim Liên6.Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Quốc lộ 19 mới – Quốc lộ 1D, tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.7.Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân.8.Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân, tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.9.Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công các dự án Hạ tầng kỹ thuật do Trung tâm Phát triển quỹ đất làm chủ đầu tư tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.10.Dự án xây dựng Xưởng sơ chế gỗ Nhân Hoàng Phát tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn.11.Dự án mở rộng Nhà máy phân bón Nhật – Nam tại khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.12. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực 8, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.
5	An Nhơn	2	3,80	2	3,80	2	3,80	1. Dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công công trình Khu dân cư phía Nam thôn Tân Lập, xã Nhơn Lộc và Tuyến Đường từ cầu Phục Ngọc đi dọc sông Kôn đến Cống Thị Nhậm thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh. 2.Dự án mở rộng Nhà máy chế biến nông sản tại Khu vực Phú Sơn, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.
6	Phù Mỹ	2	3,13	2	3,13	2	3,13	1. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi – Mỹ Thành tại mỏ PM04, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ. 2.Dự án công trình Đường dây 220Kv đấu nối Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ vào Trạm biến áp 220Kv Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ.
7	An Lão	1	4,54	1	4,54	1	4,54	1. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông.
8	Hoài Nhơn	1	7,48	1	7,48	1	7,48	1. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông.
9	Hoài Ân	3	8,47	3	8,47	3	8,47	1. Dự án xây dựng Trường bản, thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang huyện Hoài Ân. 2.Dự án xây dựng nghĩa trang Nhân dân thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân. 3. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò nung Hoffman tại xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân .
10	Tuy Phước	1	4,17	1	4,17	1	4,17	1.Dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước
11	Vân Canh	1	14,05	1	14,05	1	14,05	1. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông.
Tổng cộng		36	208,49	36	208,49	36	208,49	

Ghi chú:

1. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định - Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông: thuộc địa bàn 04 địa phương: An Lão, Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh (thống kê dự án theo địa phương làm tăng tổng 03 dự án); 2. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân: thuộc địa bàn 02 địa phương: Quy Nhơn và Phù Cát (thống kê dự án theo địa phương làm tăng tổng 01 dự án). Vì vậy tổng số dự án thống kê theo địa phương là 36, tăng 4 dự án so với chủ trương thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh (32 dự án) .

BẢNG 02: TỔNG HỢP CƠ SỞ NUÔI, TRỒNG ĐỘNG THỰC VẬT HOANG DÃ CÓ ĐẾN NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Báo cáo số / BC-CCKL ngày tháng 11 năm 2021 của Chi cục Kiểm lâm Bình Định)

TT	Quận/huyện	Tổng số cơ sở nuôi/trồng		Tổng số cá thể/cây	Số cá thể/cây phân theo các loài				Ghi chú
		Tổng	Trong đó số cơ sở đã cấp mã số		Loài nguy cấp, quý, hiếm	Gấu	Loài thông thường	Loài khác	
I	Cơ sở nuôi động vật hoang dã								
01	Huyện An Lão	05	05	227	227				
02	Huyện Hoài Ân	13	08 (05 cơ sở còn lại nuôi động vật thông thường)	1.417	192		1.225		
03	Huyện Phù Mỹ	13	10 (03 cơ sở còn lại nuôi động vật thông thường)	257	229		28		
04	Huyện Phù Cát	05	05	92	88		04		
05	Huyện Vĩnh Thạnh	08	04 (04 cơ sở còn lại nuôi động vật thông thường)	371	183		188		
06	Huyện Tây Sơn	03	03	86	86				
07	Huyện Vân Canh	03	03	15	15				
08	Huyện Tuy Phước	03	01 (01 cơ sở chưa cấp mã số và 01 cơ sở nuôi động vật thông thường)	15	13		02		
09	Thị xã An Nhơn	04	03 (có 01 cơ sở nuôi động vật thông thường)	232	177		55		
10	Thị xã Hoài Nhơn	09	06 (có 03 cơ sở nuôi động vật thông thường)	412	227		185		
11	TP. Quy Nhơn	04	02 (01 cơ sở chưa cấp mã số và 01 cơ sở nuôi động vật thông thường)	194	56		138		
	Tổng cộng	70		3.318	1.493		1.825		
II	Cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật hoang dã								
01	Huyện Hoài Ân	01	01	7.000	7.000				

BẢNG 03: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG CÓ ĐỀN NĂM 2021*(Ban hành kèm theo Báo cáo số / BC-CCKL ngày tháng 11 năm 2021 của Chi cục Kiểm lâm Bình Định)*

TT	Tên chủ rừng	Tổng diện tích (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Khoanh nuôi phục hồi (ha)	Rừng trồng			Tên tổ chức cấp chứng chỉ	Thời hạn cấp chứng chỉ	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Năm trồng	Loại cây			
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	2.780,55		217,62	2.562,93			GFA	5 năm	
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	4.183,67	1.449,81		2.733,86			GFA	5 năm	
3	Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	9.752,88			9.752,88			SGS	5 năm	
Tổng cộng		16.717,10	1.449,81	217,62	15.049,67					